

Bản án: 321/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2023
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam
Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên Tòa : Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nh ân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 145/2023/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 2 năm 2023 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 160/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa;

1.*Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện B, tỉnh L (vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp Ngã C, xã L, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/2/2023 nguyên đơn anh Ngô Văn H trình bày:

Anh và chị T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào tháng 01/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 07/01/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, hoàn cảnh gia đình anh ở xa muốn đưa vợ con về thăm cha mẹ thì chị T không đồng ý, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay anh thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T; Về con

chung: Có một con chung tên Ngô Trần Anh K, sinh ngày 26/3/2009, hiện đang ở với anh, anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trần Thị Mỹ T đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Ngô Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, nuôi con chung” giữa anh và chị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Ngô Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với chị Trần Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng nhưng chị không làm bản tự khai, không tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh H, chị T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H, chị T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Ngô Văn H và chị Trần Thị Mỹ T trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào tháng 01 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh K vào ngày 07/01/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm và cách sống, vợ chồng đã rất nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho chị T nhưng chị không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án biết về việc anh H xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ khi anh H và chị T sống ly thân cho đến nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mạnh ai người đó sống. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; xử chấp nhận cho anh Ngô Văn H được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ T.

{2.2} Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Ngô Trần Anh K, sinh ngày 26/3/2009 hiện đang ở với anh H, anh xin được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho chị T nhưng chị T không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc anh H xin được nuôi cháu K. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh H và chị T sống ly thân cho đến nay, cháu K sống với anh H, anh vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, chị T không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc anh H nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai cháu K có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn, cháu xin được ở với cha, việc tự nguyện trên của cháu không bị ép buộc. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Ngô Văn H phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 7859 ngày 28/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Ngô Văn H được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Ngô Trần Anh K, sinh ngày 26/3/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Ngô Văn H phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 7859 ngày 28/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H đã nộp đủ.

Anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Dương sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên